

VỀ TÌNH HÌNH NHIỄM BẨN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ NƯỚC Ở NƯỚC TA
VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP KHOA HỌC KỸ THUẬT VỀ KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
THỰC HIỆN Ở NGÀNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

KS. NGUYỄN CUNG
Cục KTĐTCB

I - ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiến pháp nước ta năm 1981 đã ghi «Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân làm công tác bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm môi trường» (Điều 24) là một biểu hiện về sự quan tâm của Trung ương đối với vấn đề môi trường - một ngành khoa học mới mang tính chất liên bộ môn, liên cơ quan, liên quốc gia [2, 11, 12, 13, 14].

Ở nước ta, nhiều cơ quan đã và đang triển khai các hoạt động về môi trường theo chức năng nhiệm vụ của mình và có sự phối hợp với nhau trong công tác điều tra khảo sát đánh giá mức độ ô nhiễm và ảnh hưởng của chúng đến con người, hệ sinh thái, công trình xây dựng hoặc đề ra các biện pháp kiểm soát quản lý, khai thác, bảo vệ và cải tạo tương ứng [1, 3, 4, 5, 6, 7]

Ngành KTTV theo các qui phạm của Tổ chức khí tượng thế giới, theo kinh nghiệm phong phú của Liên Xô và phối hợp với một số ngành trong nước đã và đang triển khai một lĩnh vực mới của chuyên ngành là «kiểm soát nhiễm bẩn môi trường không khí và nước». Hai hệ thống kiểm soát bước đầu hình thành là kiểm soát nhiễm bẩn ở một số thành phố và các khu công nghiệp.

Hội đồng Bộ trưởng đã chính thức giao nhiệm vụ cho ngành KTTV làm công tác (NQ 246/HĐBT) quản lý và kiểm soát môi trường không khí và nước.

II - NHỮNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA LĨNH VỰC KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN.

Theo định nghĩa mới nhất và được nhiều nước thừa nhận thì kiểm soát và quản lý môi trường thiên nhiên có 5 khâu công tác cơ bản sau [11, 12, 13, 14].

+ Quan trắc, khảo sát nguồn thải nhiễm bẩn, các yếu tố nhiễm bẩn trong môi trường nước, không khí, đất, thực vật; các ảnh hưởng của các chất nhiễm bẩn và thiệt hại do nhiễm bẩn gây ra.

+ Đánh giá trạng thái nhiễm bẩn môi trường thiên nhiên theo các tiêu chuẩn của ngành Y tế đối với khu dân cư cho từng chất nhiễm bẩn, tập hợp các chất đồng hướng, tải trọng sinh thái cho phép của vùng v.v...

+ Dự báo tiềm năng nhiễm bẩn, dự báo nồng độ các chất nhiễm bẩn ở thành phố và các khu công nghiệp, dự báo tổng thải, dự báo các tiến bộ khoa

học kỹ thuật để bảo vệ môi trường và các thiệt hại khi áp dụng biện pháp không thích hợp.

+ Kiểm soát lượng thải giới hạn cho phép theo mô hình dự báo bằng các phương tiện đồng bộ nhằm bảo đảm nồng độ các chất ô nhiễm trong phạm vi qui định cho phép trước trong các đề án xây dựng, hoặc quy định cho các vùng sinh thái của đất nước, hoặc nồng độ giới hạn cho phép.

+ Tham gia quản lý môi trường về các mặt qui hoạch vùng, sử dụng tài nguyên và môi trường, thanh tra nhiệm bản theo các điều lệ, pháp lệnh hoặc làm các thủ tục giám định môi trường và phạt vi phạm qui phạm tiêu chuẩn môi trường, đề nghị chuyển vị trí các nhà máy bị phạt nhiều hoặc kiến nghị thay hệ thống lọc khử độc, thay nhiên liệu, điều chỉnh thải trong cái giờ bất lợi v.v..

Hệ thống kiểm soát nhiệm bản môi trường không khí và nước ở các thành phố và các trung tâm công nghiệp được Liên Xô xem là hệ thống chiakhóathen chốt và đã thực hiện đồng bộ cả 5 khâu kể trên; Hệ thống kiểm soát môi trường trên mạng lưới trạm KTTV đã thực hiện các khâu 1 và 2 đang triển khai mạnh các khâu khác.

III – VỀ TÌNH HÌNH NHIỄM BẨN MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÀ KHÔNG KHÍ Ở NƯỚC TA

Từ số liệu một số năm quan trắc, xét nghiệm từ các mẫu nước sông, hồ, nước mưa tháng, bụi lắng ở nước ta cho thấy hầu hết lãnh thổ Việt Nam, các chỉ tiêu bền đều dưới chuẩn ô nhiễm Đây chính là sắc thái của môi trường của các nước đang phát triển mà ta cần có biện pháp bảo tồn trong quá trình khai thác và sử dụng thiên nhiên [4]. Đối với một số khu công nghiệp và vài thành phố ở nước ta, môi trường có sắc thái thứ hai giống những nước phát triển, có lúc có nơi nồng độ một số chất ô nhiễm đạt hoặc vượt NĐGHCF của ngành Y tế và môi trường qui định [4]. Tuỳ theo phạm vi rộng hẹp của vùng ô nhiễm, và mức độ ô nhiễm, cần phải áp dụng các biện pháp kiểm soát hoặc thanh tra trong quá trình triển khai quản lý Nhà nước về môi trường thiên nhiên. Ở các khu công nghiệp và thành phố có dấu hiệu nhiễm bản, khi quyết định xây dựng những công trình mới phải được giám định đề án một cách chặt chẽ về môi trường.

IV – NHỮNG BIỆN PHÁP KHOA HỌC – KỸ THUẬT CẦN TRIỂN KHAI Ở NƯỚC TA

Nghị quyết 246/HĐBT đã giao các nhiệm vụ cho các ngành và các địa phương. « Đối với những công trình đã xây dựng thì các ngành chủ quản cần có kế hoạch kiểm tra ngay độ nhiễm bản nước và không khí do các chất thải gây ra có hại đối với hệ sinh thái và môi trường sống và tìm các biện pháp khắc phục », « làm luận chứng kinh tế kỹ thuật phải có biện pháp bảo vệ môi trường, kinh phí tính vào vốn đầu tư », « Có biện pháp ngăn chặn các hoạt động làm suy giảm tài nguyên và môi trường » « Ủy ban nhân dân các địa phương phải có biện pháp chặt chẽ bảo đảm vệ sinh môi trường ở các thành phố và các khu công nghiệp... »

Trong lĩnh vực kiểm soát nhiễm bẩn môi trường, dựa vào Nghị quyết trên và phương hướng hoạt động của ngành KTTV đến năm 2000, Tổng cục KTTV sẽ đi sâu vào thực hiện các công tác trong các chương trình có mục tiêu của Ngành sau đây.

1. **Chương trình hệ thống cơ sở:** tiếp tục xây dựng 2 hệ thống kiểm soát nhiễm bẩn ở thành phố và các trung tâm công nghiệp và kiểm soát nền ở các trạm KTTV. Đây là một vấn đề mới, Ngành và Nhà nước cần đầu tư cho 3 trung tâm phân tích thí nghiệm đã hoạt động nhưng chưa đồng bộ ở Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, đưa các cơ sở này vừa đủ sức phân tích các mẫu của hệ thống trạm cố định vừa có khả năng lưu động khảo sát, kiểm soát, thanh tra ở 3 vùng chuyên môn của nước ta.

2. **Chương trình nghiên cứu khoa học:** triển khai các đề tài dự báo, nghiên cứu bổ sung các tiêu chuẩn, qui phạm, cùng với các ngành môi trường biên soạn dự thảo cơ sở pháp chế của các luật lệ bảo vệ không khí và nước mặt, các chỉ dẫn thực hiện kiểm soát và quản lý môi trường trình duyệt đề thi hành.

3 **Chương trình ứng dụng và phục vụ:** triển khai khảo sát lưu động bổ sung số liệu đánh giá trạng thái môi trường các thành phố và các khu công nghiệp lớn, Giám định môi trường bằng mô hình trên máy tính điện tử, xây các công nghệ dự báo ô nhiễm và công nghệ thanh tra nhiễm bẩn khí có yêu cầu.

4. **Chương trình đào tạo cán bộ:** cử một số cán bộ đi bổ túc nghiệp vụ và nghiên cứu ở nước ngoài, tham gia đào tạo cán bộ KTTV về các chuyên đề « Các phương diện khí tượng của bảo vệ môi trường khí quyển » « Chất nước và cơ sở khoa học của bảo vệ nước » « Quan trắc, đo lường và phân tích xét nghiệm về môi trường » v.v...

5. **Chương trình hợp tác quốc tế và trong nước:** (theo kế hoạch Nhà nước và kế hoạch Ngành):

Triển khai hợp tác toàn diện với Liên Xô về chuyên ngành kiểm soát môi trường thiên nhiên dưới nhiều hình thức thích hợp và các đề tài khoa học đôi bên cùng quan tâm.

Triển khai một số khía cạnh hợp tác với các tổ chức khoa học quốc tế như WMO, Ủy ban Mêkông quốc tế, Chương trình Monitoring môi trường xung quanh của khối SEV, với các nước XHCN, các nước trong khu vực và đặc biệt là với 2 nước Lào và Campuchia anh em.

Hợp tác chặt chẽ với các ngành làm công tác môi trường trong nước theo các đề tài trong từng kế hoạch của các ngành và Tổng cục KTTV.

V - KẾT LUẬN

— Bảo vệ môi trường là một khoa học mới mang tính chất nhiều bộ môn, liên ngành, liên quốc gia.

Quá trình phát triển lĩnh vực này thành một chuyên ngành « Kiểm soát và quản lý môi trường không khí và nước » đòi hỏi phải có đầu tư mới một số thiết bị, tăng cường cán bộ các loại, sự hợp tác trong nước và quốc tế nhất

định và tự nó đòi hỏi một sự vươn lên của tập thể cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý và giảng dạy của Tổng cục KTTV nước ta./.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn An – Tham luận tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ V. Hà Nội 1982.
2. Hiến pháp Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 1981
3. Các vấn đề môi trường. UBKHKTNN Hà Nội 1983
4. Nguyễn Cung – Tính toán bán kính nghiệm vùng bảo vệ vệ sinh và phương pháp khoanh vùng động lực chất lượng môi trường không khí xung quanh các xí nghiệp, Nội san KTTV số 4 – 5/1982.
5. Nguyễn Cung, Đỗ Trần Đình – Kết quả khảo sát nhiễm bần khí quyền T/P Hồ Chí Minh và Biên Hòa. Chương trình 28 – 01 năm 1984.
6. Nguyễn Việt Phồ – Tác động của các hoạt động của con người trên môi trường nước. Nội san KTTV số 4 – 5/1982.
7. Đào Ngọc Phong, Nguyễn Cung, Hoàng Văn Bình – Tác động ô nhiễm không khí tới sự biến động của hệ sinh thái ở khu công nghiệp Việt Trì. Đại học Tổng hợp Hà Nội 1979.
8. Phương hướng củng cố và phát triển ngành KTTV đến năm 2000. Tổng cục KTTV 1984.
9. Tiêu chuẩn qui phạm thiết kế đồ án quy hoạch thành phố. UBKH – KTNN 1979
10. Hướng dẫn thi hành điều lệ giữ gìn vệ sinh. NXB Y học 1971
12. Iu. A.Izraen – Thực hiện hệ thống Moritoning nhiễm bần môi trường n thiê nhiên ở Liên Xô. NXB KTTV L. 1987 (tiếng Nga).
13. Naza WMO, Tom I, II, III. NXB KTTV. L. 1981 (tiếng Nga)
14. Mak Cormick R A – Meteorological spects of air pollution in Urban – and Industrial distrirts. « WMO Tch. Note » No 106 Geneve 1970.
15. M. Cpanford – Air pollution control theory, New York 1976.